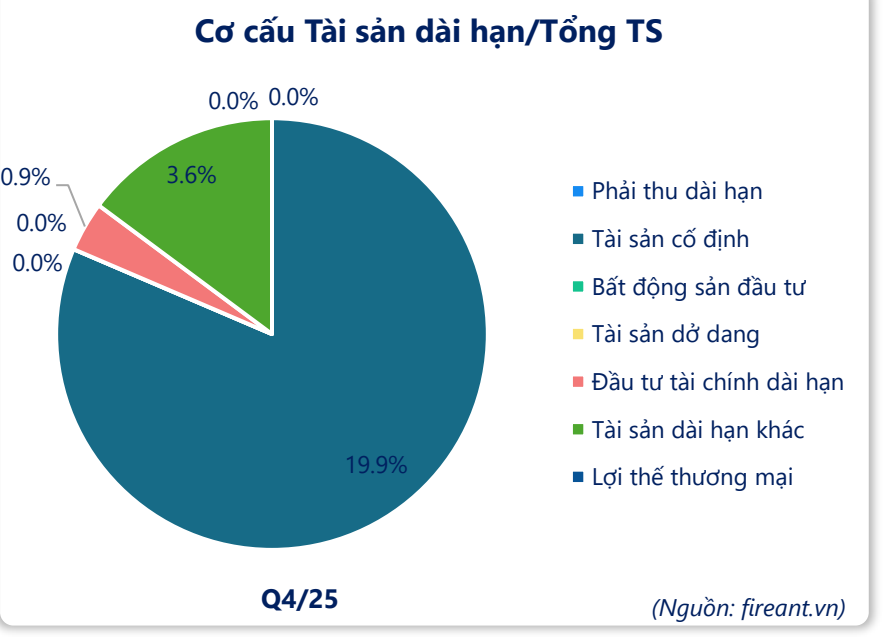
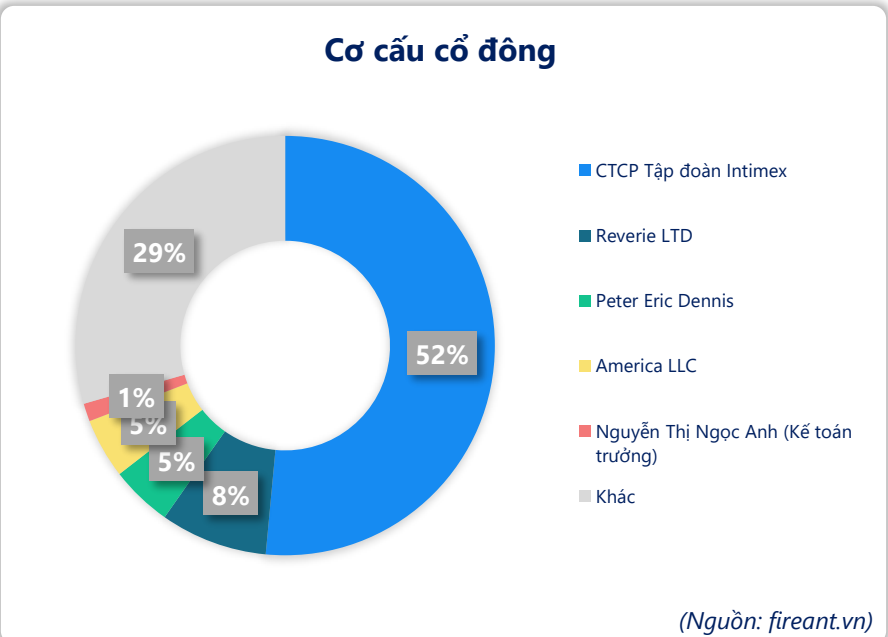
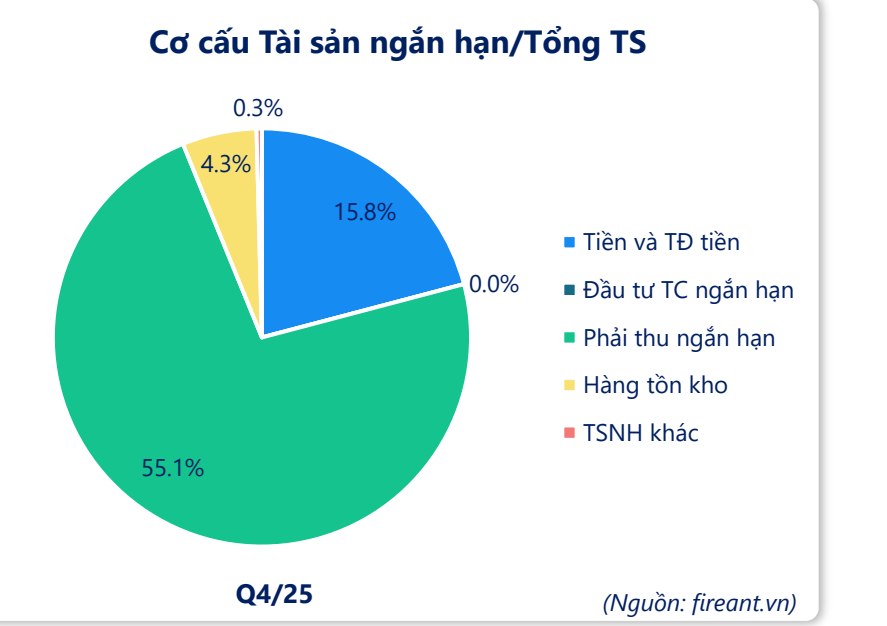
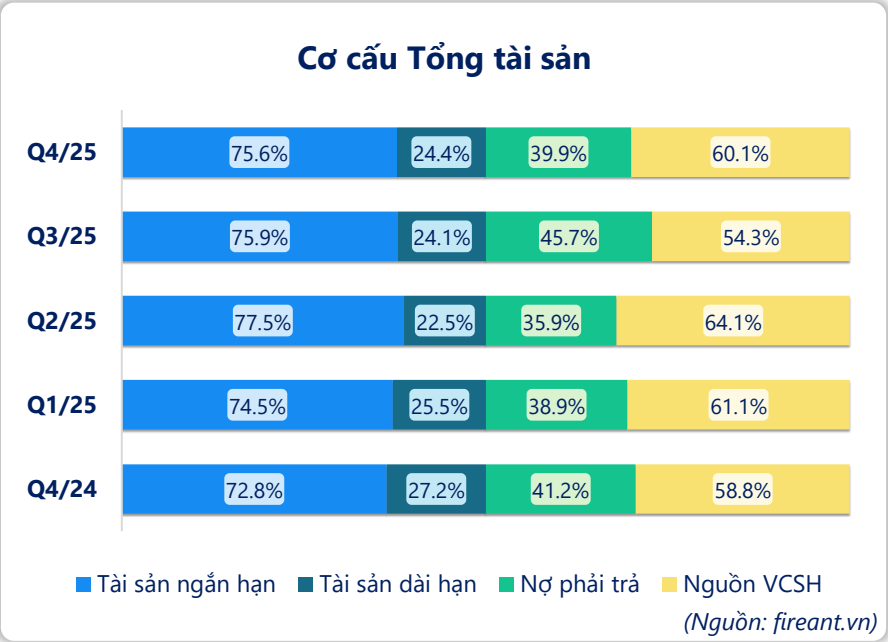
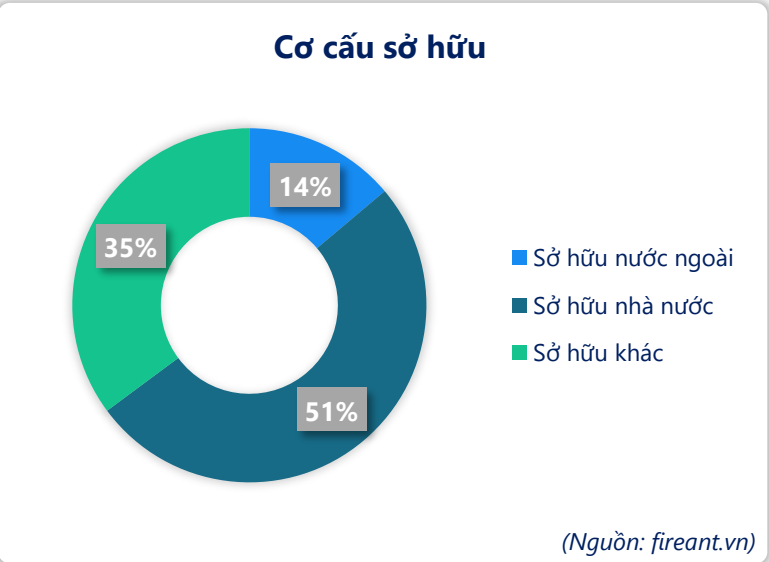
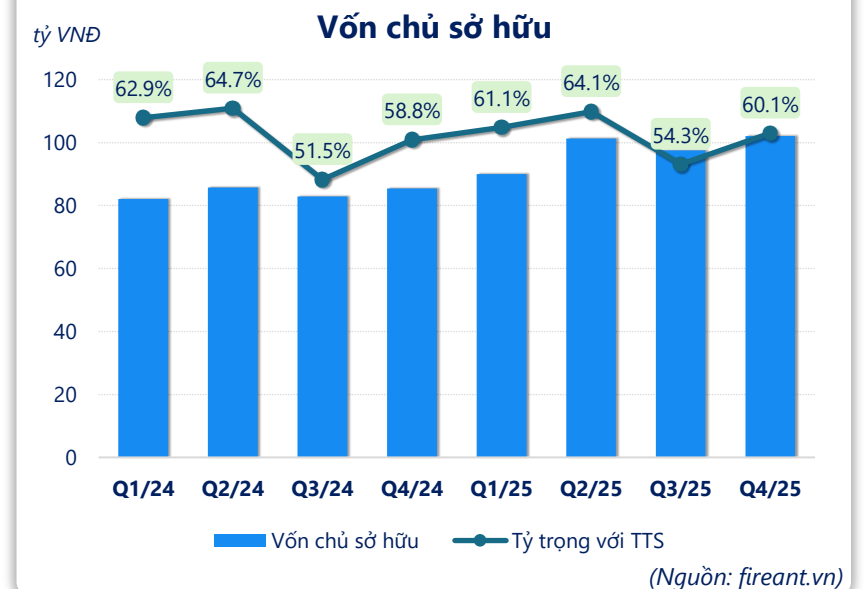
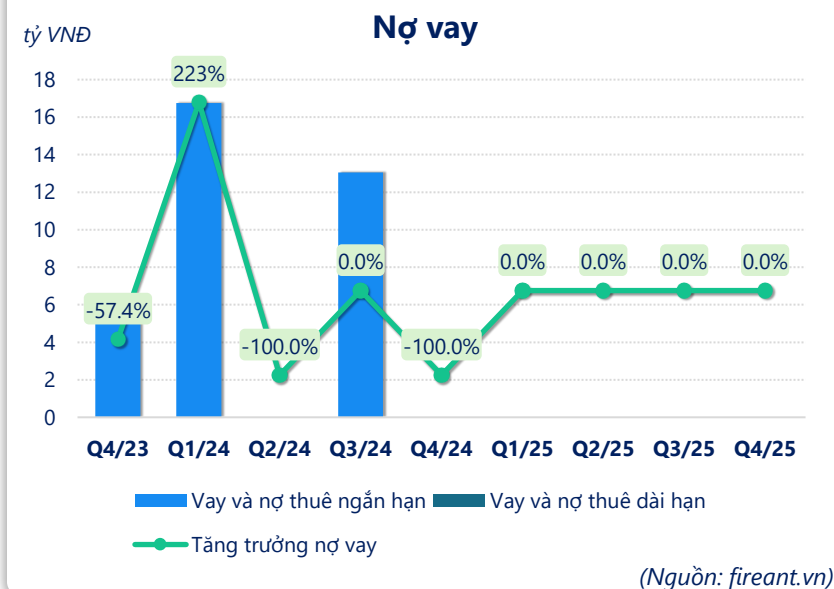
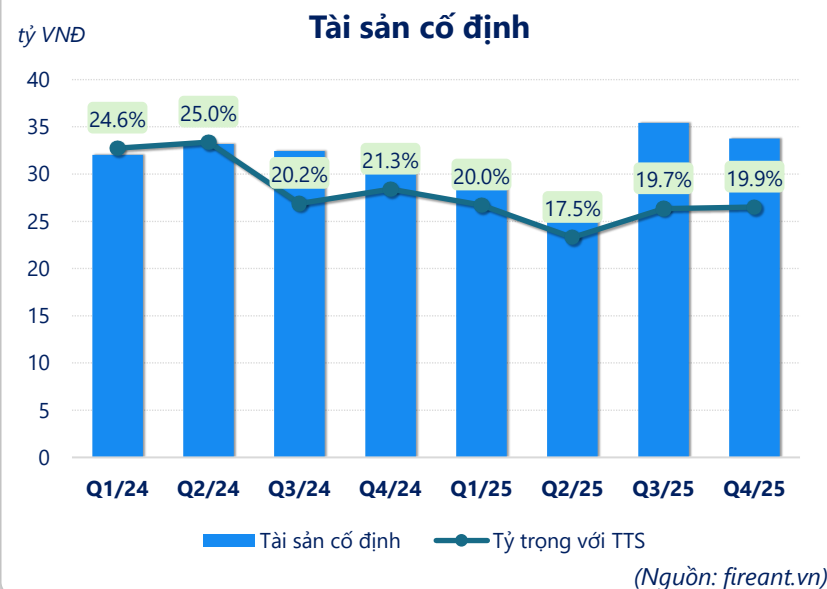
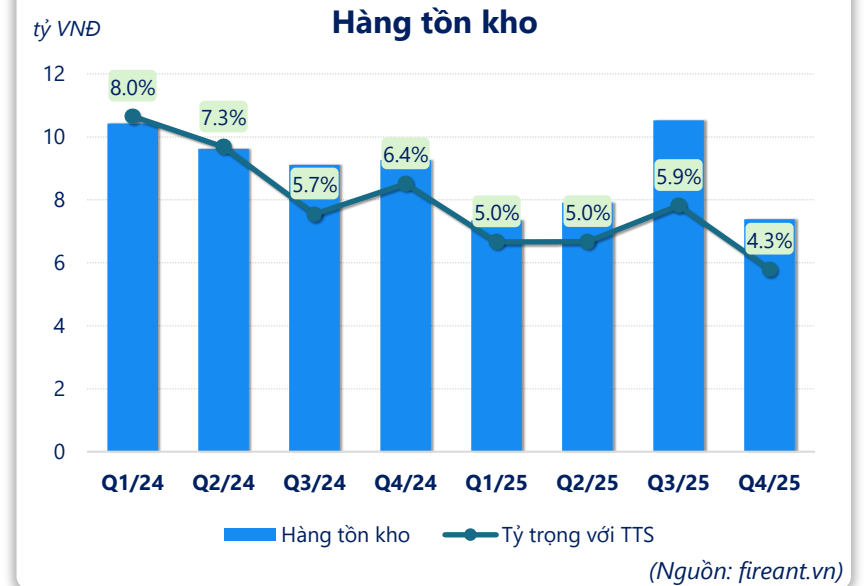
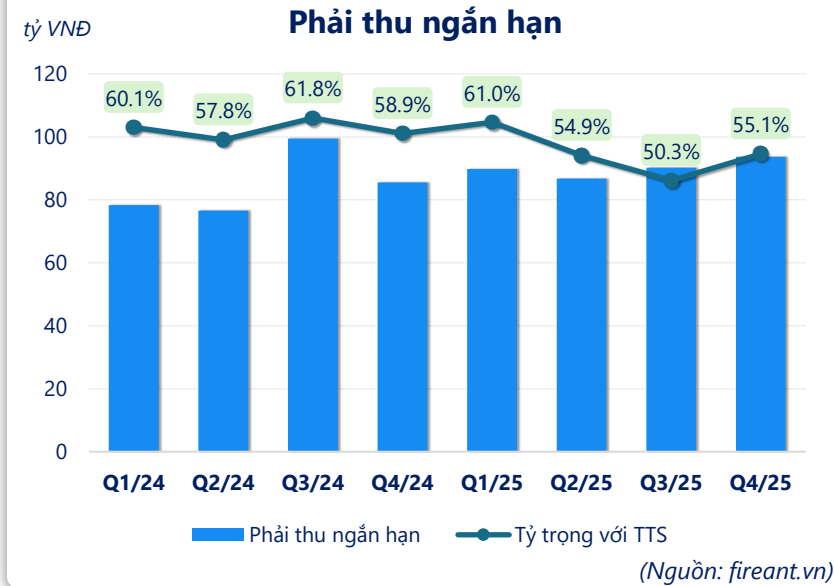
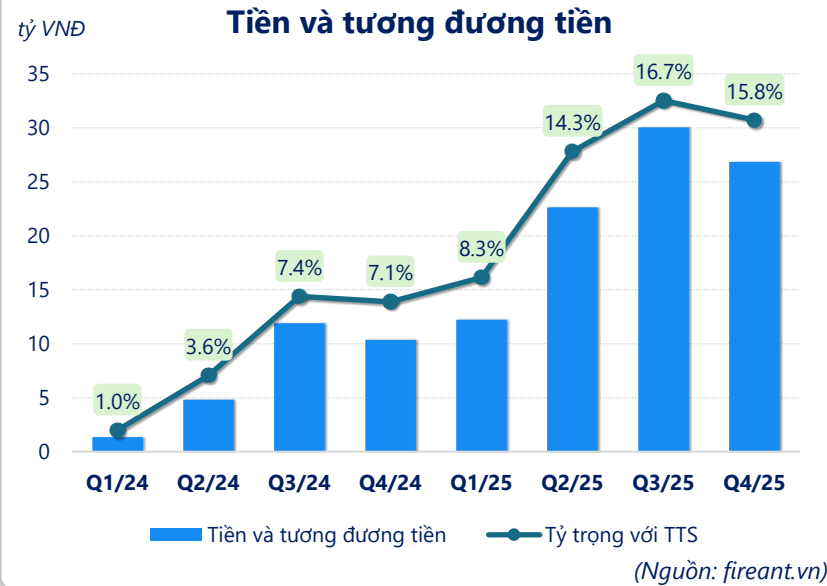
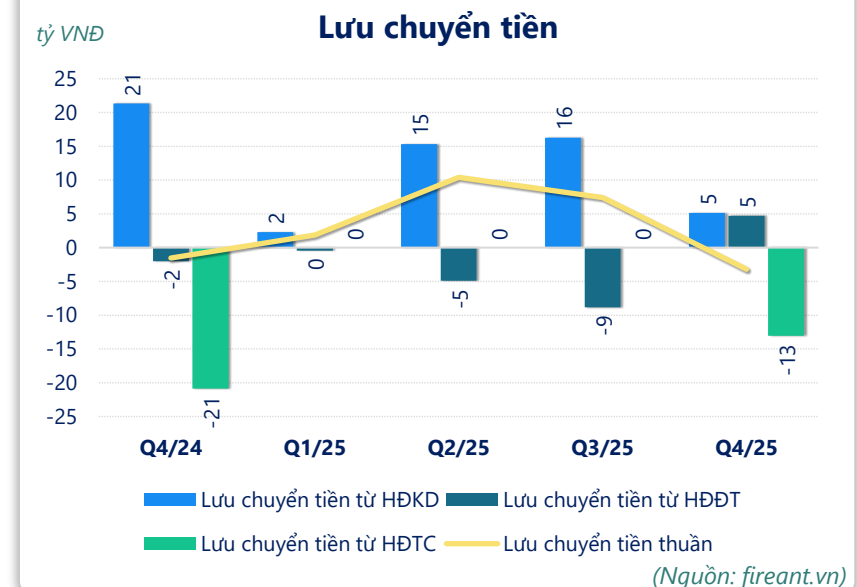
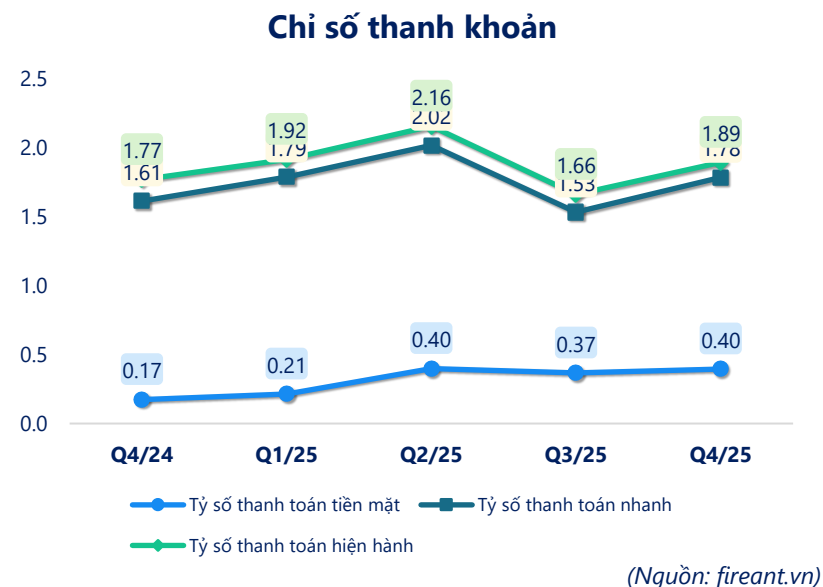
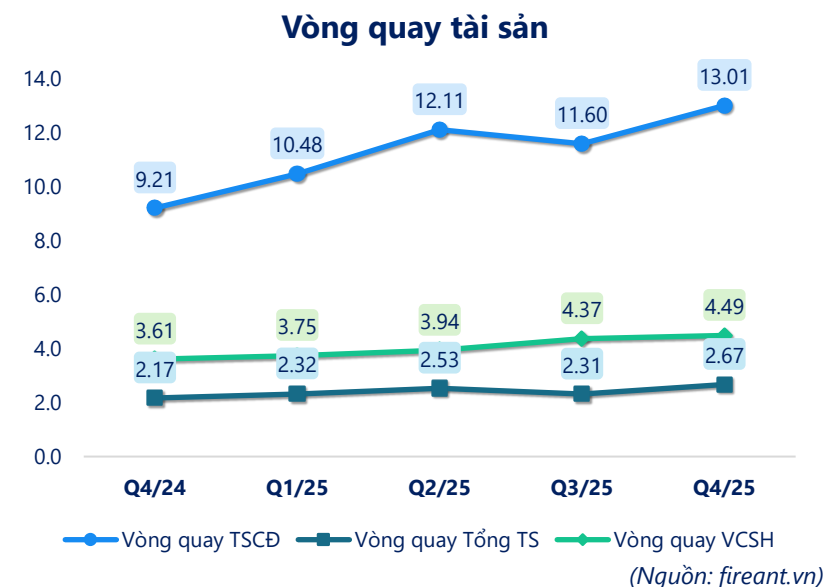
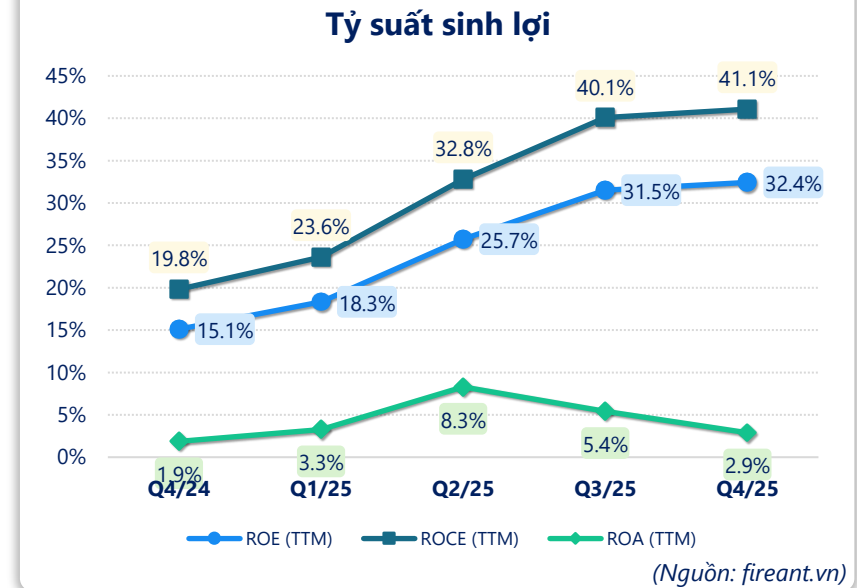
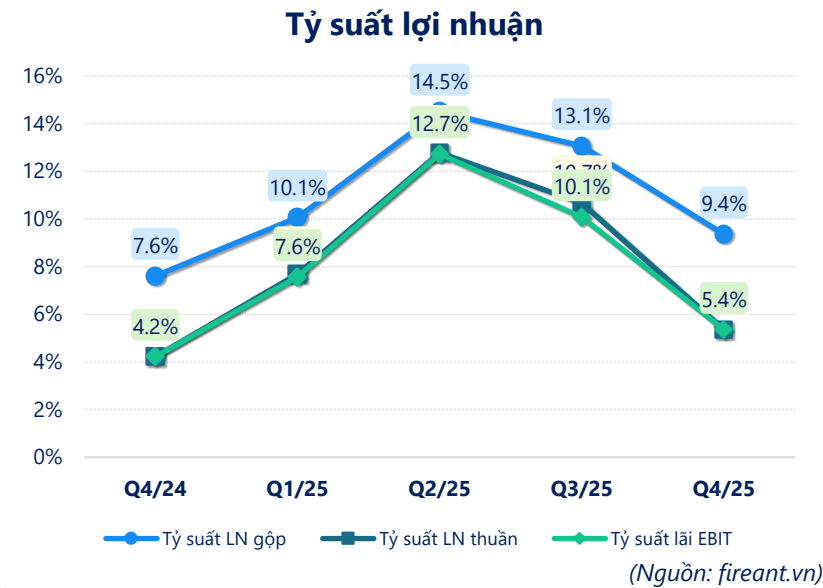
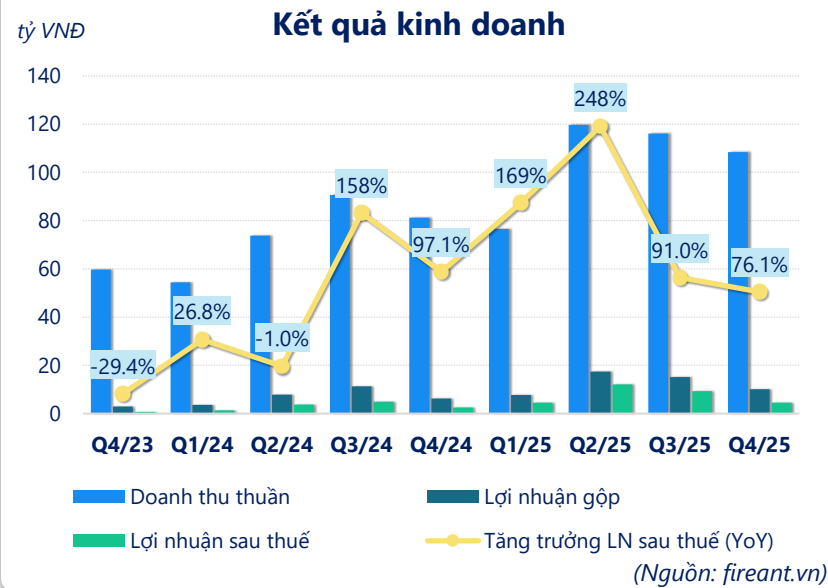


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		30,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		31,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,442
SL cổ phiếu LH		6,518,547
KLGD BQ 20 phiên (CP)		15,470
% sở hữu nước ngoài		13.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		199
P/E		6.5
EPS		4,664

	YTD	1T	3T	6T
HCC	160.3%	26.6%	21.0%	80.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	170	145	17.0%
Tài sản ngắn hạn	128	106	21.5%
Tiền và tương đương tiền	26.8	10.4	159%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	93.7	85.6	9.5%
Hàng tồn kho	7.39	9.26	-20.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.53	0.50	6.4%
Tài sản dài hạn	41.5	39.5	5.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	33.8	30.9	9.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.35	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.55	1.89	-18.1%
Tài sản dài hạn khác	6.15	6.33	-2.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	67.8	59.8	13.5%
Nợ ngắn hạn	67.8	59.8	13.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	44.8	51.8	-13.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	102	85.4	19.5%
Vốn chủ sở hữu	102	85.4	19.5%
Vốn điều lệ	65.2	65.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	81.2	76.6	120	116	108
Giá vốn hàng bán	75.1	68.9	102	101	98.2
Lợi nhuận gộp	6.18	7.70	17.4	15.2	10.1
Doanh thu HĐTC	0.02	0.00	0.01	0.14	0.34
Chi phí TC	-0.27	0.16	0.09	0.09	0.09
Chi phí lãi vay	0.14	0.08	0.00	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.04	1.66	1.99	2.84	4.59
LN thuần từ HĐKD	3.43	5.88	15.3	12.4	5.80
Lợi nhuận khác	-0.15	-0.17	-0.07	-0.69	0.00
LN trước thuế	3.29	5.71	15.2	11.7	5.80
Lợi nhuận sau thuế	2.58	4.53	12.1	9.24	4.57
LNST của CĐ cty mẹ	2.58	4.53	12.1	9.24	4.57

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	21.4	2.29	15.3	16.3	5.14
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.03	-0.43	-4.91	-8.86	4.70
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.9	0	0	0	-13.0
Tiền đầu kỳ	11.9	10.4	12.2	22.6	30.0
Lưu chuyển tiền thuần	-1.54	1.86	10.4	7.40	-3.19
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.4	12.2	22.6	30.0	26.8

(Nguồn: fireant.vn)